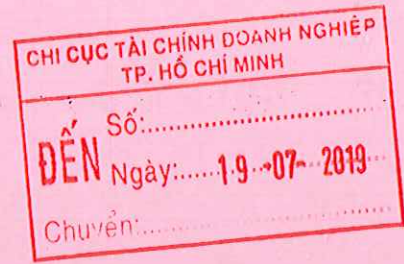




ỦY BAN NHÂN DÂN TP. HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH MTV DVCI TÂN BÌNH
MST : 030 141 68 76



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH SÁU THÁNG ĐẦU NĂM 2019

(Được ban hành theo Thông tư 200/2015/TT-BTC)

LƯU : Phòng Kế toán – Tài vụ Công ty

Ngày 15 tháng 07 năm 2019

MỤC LỤC BÁO CÁO

- 1) Biểu 02.A : Tình hình đầu tư và huy động vốn để đầu tư các dự án hình thành TSCĐ và XD CB 6 tháng đầu năm 2019
 - 2) Biểu 02.B : Tình hình đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư tài chính 6 tháng đầu năm 2019
 - 3) Biểu 02.C : Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính 6 tháng đầu năm 2019
 - 4) Biểu 02.D : Tình hình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích 6 tháng đầu năm 2019
 - 5) Biểu 02.Đ : Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước 6 tháng đầu năm 2019
 - 6) Biểu 04.A : Báo cáo tình hình đầu tư vốn ra nước ngoài và thu hồi vốn đầu tư về Việt Nam 6 tháng đầu năm 2019
 - 7) Biểu 04.B : Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các dự án đầu tư ra nước ngoài 6 tháng đầu năm 2019
 - 8) Báo cáo phân tích đánh giá thực trạng và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2019
 - 9) Báo cáo tình hình chấp hành pháp luật liên quan đến quản lý sử dụng đất đai, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, trong đó có việc ký hợp đồng cho thuê đất theo quy định, tình hình chấp hành pháp luật trong lĩnh vực xây dựng của đơn vị 6 tháng đầu năm 2019
-

**TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỂ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XDCCB
SÁU THÁNG ĐẦU NĂM 2019**

STT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng giá trị vốn đầu tư				Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn vốn huy động			Giá trị khối lượng thực hiện đến ngày 30/06/2016 (Triệu đồng)			Giải ngân đến ngày 30/06/2016 (Triệu đồng)			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng (Triệu đồng)		
			Tổng vốn	Vốn tự có	%	Vốn huy động		%	Tổng số	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 30/06/2016	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ		Thực hiện đến hết ngày 30/06/2016	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
A	Các dự án nhóm A																		
1																			
2																			
B	Các dự án nhóm B																		
1																			
2																			
C	Các dự án khác																		

Không phát sinh

Ghi chú: Số liệu từ cột (2) đến cột (12) theo quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền. Các dự án nêu trên là dự án do doanh nghiệp làm chủ đầu tư hoặc thuộc quyền quản lý của doanh nghiệp

Người lập biểu



HỒ THỊ MAI CHI



NGUYỄN VĂN HOÀI

UBND Quận Tân Bình
 Công ty TNHH MTV DVCI quận Tân Bình

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VỐN RA NGOÀI DOANH NGHIỆP
SÁU THÁNG ĐẦU NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính : Triệu đồng

TT	Tên công ty con, công ty liên kết	Vốn góp của doanh nghiệp, giá trị đầu tư						Vốn điều lệ	Vốn chủ sở hữu công ty con, công ty liên kết	Doanh thu		Lợi nhuận		Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia cho kỳ báo cáo	Tỷ lệ lợi nhuận được chia trên vốn đầu tư (%)	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn của công ty con, công ty liên kết	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết
		Giá trị vốn góp		Tỷ lệ vốn góp		Kỳ trước	Kỳ báo cáo			Kỳ trước	Kỳ báo cáo						
		Kế hoạch	Năm trước	Tại thời điểm 30/06/2017	Kế hoạch							Năm trước	Tại thời điểm 30/06/2017				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16) = (15) / (5)	(17)	(18)
I	Đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
I		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II	Đầu tư vào Công ty liên kết																
III	Đầu tư tài chính																
								X	X	X	X	X	X			X	X

Người lập biểu



HỒ THỊ MAI CHI



NGUYỄN VĂN HOÀI

UBND Quận Tân Bình
Công ty TNHH MTV DVCI quận Tân Bình

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
SÁU THÁNG ĐẦU NĂM NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính : đồng

Nội dung	Cùng kỳ 6 tháng đầu năm 2017	Cùng kỳ 6 tháng đầu năm 2018	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2019		Biến động so với (tỷ lệ %)		
	[1]	[2]	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện	Cùng kỳ năm 2017	Cùng kỳ năm 2018	Kế hoạch năm 2019
			[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]
A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh							
1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu							
- Vệ sinh quét dọn (Lượt/m ²)	318.879.249	159.439.625	527.634.926	263.817.463	82,73	165,47	50,00
- Vận chuyển rác (Tấn)	70.520	72.113	151.000	72.333	102,57	100,31	47,90
- Xây dựng cơ bản (đồng)	5.233.322.234	3.228.346.603	46.771.801.325	2.954.743.093	56,46	91,52	6,32
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu							
- Vệ sinh quét dọn (Lượt/m ²)	318.879.249	159.439.625	527.634.926	263.817.463	82,73	165,47	50,00
- Vận chuyển rác (Tấn.km)	70.520	72.113	151.000	72.333	102,57	100,31	47,90
- Xây dựng cơ bản (đồng)	5.233.322.234	3.289.807.705	45.194.714.692	2.756.779.026	52,68	83,80	6,10
3. Tồn kho cuối kỳ							
- Vệ sinh quét dọn (Lượt/m ²)	-	-	-	-	-	-	-
- Vận chuyển rác (Tấn.km)	-	-	-	-	-	-	-
- Xây dựng cơ bản (đồng)	-	139.204.240	325.000.000	2.100.050.700	-	1.508,61	646,17
B. Chỉ tiêu tài chính							
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	60.894.968.416	59.422.336.366	167.842.465.000	68.282.525.251	112,13	114,91	40,68
2. Giá vốn hàng bán	53.095.423.676	51.610.094.828	147.416.502.000	57.959.147.565	109,16	112,30	39,32
3. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.799.544.740	7.812.241.538	20.425.963.000	10.323.377.686	132,36	132,14	50,54
4. Doanh thu hoạt động tài chính	1.165.987.052	928.537.157	2.180.995.000	874.846.626	75,03	94,22	40,11
5. Chi phí tài chính			-	-	-	-	-

Nội dung	Cùng kỳ 6 tháng đầu năm 2017		Cùng kỳ 6 tháng đầu năm 2018		Thực hiện 6 tháng đầu năm 2019		Biến động so với (tỷ lệ %)		
	[1]	[2]	[3]	[4]	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện	Cùng kỳ năm 2017	Cùng kỳ năm 2018	Kế hoạch năm 2019
					[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]
6. Chi phí bán hàng					-		-	-	-
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.905.924.576	4.662.310.111	9.250.000.000	4.814.826.220	9.250.000.000	4.814.826.220	98,14	103,27	52,05
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.059.607.216	4.078.468.584	13.356.958.000	6.383.398.092	13.356.958.000	6.383.398.092	157,24	156,51	47,79
9. Thu nhập khác	146.366.672	45.480.118	100.000.000	169.727.272	100.000.000	169.727.272	115,96	373,19	169,73
10. Chi phí khác	15.900.400	44.070.400	22.810.000	28.069.502	22.810.000	28.069.502	-	63,69	123,06
11. Lợi nhuận khác	130.466.272	1.409.718	77.190.000	141.657.770	77.190.000	141.657.770	108,58	10.048,66	183,52
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.190.073.488	4.079.878.302	13.434.148.000	6.525.055.862	13.434.148.000	6.525.055.862	155,73	159,93	48,57
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	837.996.537	815.975.659	2.686.829.600	1.305.011.173	2.686.829.600	1.305.011.173	155,73	159,93	48,57
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-	-	-	-	-	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	3.352.076.951	3.263.902.643	10.747.318.400	5.220.044.689	10.747.318.400	5.220.044.689	155,73	159,93	48,57

Người lập biểu

HỒ THỊ MAI CHI



NGUYỄN VĂN HOÀI

UBND Quận Tân Bình
Công ty TNHH MTV DVCI quận Tân Bình

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH
SÁU THÁNG ĐẦU NĂM 2019**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ so với KH	Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước
1. Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm				
- Quét dọn vệ sinh (Luợt.m2)	527.634.926	263.817.463	50,00%	122,36%
- Vận chuyển rác (Tấn)	151.000	72.333	47,90%	100,31%
- Công viên cây xanh (m2)	106.656	106.656	100,00%	100,00%
- Công trình xây dựng cơ bản (triệu đồng)	46.772	2.955	6,32%	84,94%
2. Khối lượng, sản lượng sản phẩm, dịch vụ công ích bị lỗi, không đạt yêu cầu?				
- Quét dọn vệ sinh (Luợt.m2)	Không có	Không có	Không có	Không có
- Vận chuyển rác (Tấn.km)	Không có	Không có	Không có	Không có
- Công viên cây xanh (m2)	Không có	Không có	Không có	Không có
- Công trình xây dựng cơ bản (triệu đồng)	Không có	Không có	Không có	Không có
3. Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp không đạt yêu cầu?				
4. Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong kỳ (triệu đồng)	136.282	60.988	44,75%	107,89%
5. Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong kỳ (triệu đồng)	147.446	66.740	45,08%	106,85%

Người lập biểu



HỒ THỊ MAI CHI



NGUYỄN VĂN HOÀI

**A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT : Đồng

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp kỳ trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển sang kỳ sau
1. Thuế	6.560.543.946	7.766.456.539	11.387.308.868	2.939.691.617
- thuế GTGT	3.471.158.870	5.242.072.050	7.032.257.494	1.680.973.426
- Thuế TNDN	2.742.627.219	1.305.011.173	2.742.627.219	1.305.011.173
- Thuế Xuất, Nhập khẩu				-
- Thuế TNCN	346.757.857	247.172.948	640.223.787	(46.292.982)
- Thuê đất, thuê đất		968.200.368	968.200.368	-
- Các khoản thuế khác		4.000.000	4.000.000	-
2. Các khoản phải nộp khác	2.579.579.519	2.318.450.128	623.494.810	4.274.534.837
- Phải nộp liên quan đến quản lý nhà	439.422.810	918.104.691	439.422.810	918.104.691
- Phí, lệ phí	704.343.893	895.752.440	184.072.000	1.416.024.333
- Các khoản phải nộp khác	1.435.812.816	504.592.997	-	1.940.405.813
3. Nộp Ngân sách nhà nước (Quý Hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp) phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi tríc lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định	-	-	-	-

**B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ
 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Dư cuối kỳ
1. Quỹ đầu tư phát triển	260.297.077			260.297.077
2. Quỹ khen thưởng phúc lợi	8.864.480.051	4.324.998.558	2.949.518.427	10.239.960.182
3. Quỹ khen thưởng VCQLDN	289.287.500	-	40.474.962	248.812.538
4. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-	-	-
5. Quỹ đặc thù khác nếu có	-	-	-	-

Thuyết minh : Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ khen thưởng VCQL tăng trong kỳ là do trích lập và giảm là do chi hoạt động trong kỳ.

Người lập biểu

HỒ THỊ MAI CHI



NGUYỄN VĂN HOÀI

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VỐN RA NƯỚC NGOÀI VÀ THU HỒI VỐN ĐẦU TƯ VỀ VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2019

TT	Tên doanh nghiệp/dự án	Lĩnh vực đầu tư	Nước tiếp nhận đầu tư	Tổng vốn đầu tư của dự án tại nước ngoài			Tỷ lệ sở hữu của NĐT Việt Nam	Vốn ĐTRNN đăng ký				Vốn ĐTRNN thực hiện				Tinh hình thu hồi vốn đầu tư						Đơn vị: nghìn USD											
				Tổng vốn đầu tư	Vốn điều lệ	Vốn vay		Tổng vốn đăng ký	Vốn góp	Cho vay	Bảo lãnh vay	Lũy kế đến kỳ trước	Lũy kế đến kỳ báo cáo	Lũy kế đến kỳ trước	Lũy kế đến kỳ báo cáo	Tổng số đầu tư	Thu hồi vốn đầu tư	Lợi nhuận về nước	Lãi cho vay về nước	Thu từ thanh lý, nhượng bán vốn ĐTRNN	Độ trễ của Dự án												
																							(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Công ty TNHH MTV dịch vụ công ích quận Tân Bình	X	X	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	X	X	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Người lập biểu



HỒ THỊ MAI CHI



Tân Bình, ngày 07 tháng 01 năm 2019
Giám đốc

NGUYỄN VĂN HOÀI

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN TÂN BÌNH

**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
CỦA CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2019

Đơn vị: nghìn USD

TT	Tên doanh nghiệp/dự án	Tổng nguồn vốn										Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh				Lợi nhuận và sử dụng lợi nhuận được chia			Thực hiện nghĩa vụ với NSNN trong kỳ báo cáo					
		Tổng tài sản	Nợ phải trả			Vốn chủ sở hữu			Doanh thu		Lợi nhuận sau thuế	Tỷ suất lợi nhuận	Lợi nhuận được chia của		Tình hình sử dụng lợi nhuận được chia									
			Tổng nợ phải trả	Tổng giá trị các khoản vay	Lãi suất TB các khoản vay	Lãi vay phải trả trong kỳ báo cáo	Tổng vốn chủ sở hữu	Vốn đầu tư của CSH	Lợi nhuận / lỗ lũy kế	Kỳ trước			Kỳ báo cáo	Kỳ trước	Kỳ báo cáo	Tái đầu tư về nước	Sử dụng khác	Phải nộp		Đã nộp				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	
1	Công ty TNHH MTV dịch vụ công ích quận Tân Bình	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Người lập biểu



HỒ THỊ MAI CHI

Tân Bình, ngày 15 tháng 07 năm 2019

Giám đốc



NGUYỄN VĂN HOÀI

**BÁO CÁO PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VÀ HIỆU QUẢ
HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP SÁU THÁNG ĐẦU NĂM 2019**
(Số liệu chi tiết thể hiện trên 5 biểu mẫu quy định tại Thông tư 200/2015/TT-BTC)

1) Tình hình bảo toàn và phát triển vốn :

Vốn nhà nước tại doanh nghiệp được bảo toàn so với đầu năm, hệ số bảo toàn của vốn chủ sở hữu $(70.370 / 70.370) = 1$, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu là 7,42% $(5.220 / 70.370)$, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản là 1,81% $(5.220 / 288.375)$.

2) Việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp :

* Tình hình đầu tư tài sản và huy động vốn :

- Công ty không sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp để đầu tư vào các dự án cũng như không huy động vốn từ các nguồn khác để đầu tư dự án và hoạt động sản xuất kinh doanh.

* Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp :

- Tại thời điểm 30/06/2019 Công ty không có vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

* Tình hình quản lý tài sản và công nợ phải thu, phải trả :

- Công ty mua sắm tài sản hoặc thanh lý tài sản có giá trị lớn đều thực hiện tổ chức đấu thầu, đấu giá theo quy định, việc khấu hao tài sản cố định cũng được thực hiện nghiêm túc theo quy định hiện hành.

- Công ty không có nợ phải thu khó đòi và nợ phải trả quá hạn.

3) Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp :

- Nhìn chung sản lượng tiêu thụ sản phẩm chủ yếu trong 6 tháng đầu năm của đơn vị tăng so với cùng kỳ năm trước và đạt 50 % so với kế hoạch.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng so với cùng kỳ các năm trước và đạt 40,68% so với kế hoạch.

- Lượng tiền mặt doanh nghiệp tạo ra đủ đáp ứng nhu cầu cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

- Công ty thực hiện nghiêm túc các quy định, chỉ đạo của chủ sở hữu, chấp hành khá tốt các chế độ , chính sách của nhà nước, thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đầy đủ, trả lương trả thưởng cho người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và theo quy định.

4) Tình hình chấp hành chế độ, chính sách pháp luật

Trong 6 tháng đầu năm 2019, doanh nghiệp thực hiện nghiêm túc các quy định, chỉ đạo của chủ sở hữu, chấp hành khá tốt các chế độ, chính sách theo quy định chưa bị lập biên bản vi phạm hành chính nào liên quan đến việc chấp hành chế độ, chính sách của nhà nước :

- Đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ
- Thực hiện nghiêm túc chính sách tiền lương, xây dựng bảng lương theo thông tư 17/2015/TT-BLĐTBXH
- Xây dựng quỹ lương và trả lương cho người lao động, viên chức quản lý theo quy định tại Nghị Định 51/2016/NĐ-CP , 52/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 và thông tư 26/2016/TT-BLĐTBXH, 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016.
- Thực hiện đầy đủ theo thỏa ước lao động tập thể đã ký kết

Lập biểu



HỒ THỊ MAI CHI

Giám đốc *nt*



NGUYỄN VĂN HOÀI

Số: 22 /DVCI.BC

Tân Bình, ngày 17 tháng 7 năm 2019

BÁO CÁO

**Tình hình chấp hành pháp luật liên quan đến quản lý sử dụng đất đai, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, trong đó có việc ký hợp đồng thuê đất theo qui định, tình hình chấp hành pháp luật trong lĩnh vực xây dựng của đơn vị.
06 tháng đầu năm 2019.**

I. Tình hình chấp hành pháp luật liên quan đến quản lý sử dụng đất đai, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, việc ký hợp đồng thuê đất theo qui định:

** Tình hình chấp hành pháp luật liên quan đến quản lý sử dụng đất đai:*

Với chức năng quản lý và cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước, hiện nay Công ty đang quản lý 233 căn, có 574 hộ thuộc sở hữu nhà nước do UBND quận Tân Bình giao quản lý và ký hợp đồng thuê nhà, với tổng diện tích sử dụng là 22.257,65m², quản lý 35 căn (36hộ) nhà xưởng và 03 căn nhà xưởng chốt giữ hộ cho UBND quận. Hàng năm Công ty thu và nộp thuế đất phi nông nghiệp đầy đủ và đúng kỳ hạn nộp thuế với Chi Cục thuế Tân Bình.

Trong năm 06 tháng đầu năm 2019, Công ty tập trung cho công tác rà soát hồ sơ pháp lý phục vụ dự án di dời khẩn cấp 5 chung cư cũ trên địa bàn phường 7 và 8 quận Tân Bình đã có kết quả kiểm định loại D và công tác tiếp nhận giải quyết hồ sơ mua nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước theo Nghị định 99/2015/NĐ-CP của Chính phủ kịp thời hạn theo quy định với mục tiêu không để xảy ra sai sót về pháp lý. Tập trung cho công tác ký phụ lục Hợp đồng điều chỉnh giá thuê nhà mới theo Quyết định 22/2018/QĐ-UBND của UBNDTP. Doanh thu từ hoạt động cho thuê nhà trong 06 tháng đầu năm 2019 đạt 2 tỷ 970 triệu đồng, đạt 57,34% kế hoạch năm 2019 (5 tỷ 180 triệu đồng). Công ty đã ký gia hạn 191 hợp đồng thuê nhà, thanh lý 09 hợp đồng thuê nhà, kiểm tra, xác minh hiện trạng sử dụng nhà thường xuyên 195 hộ (bao gồm các nội dung: kiểm tra xác nhận không lấn chiếm, sửa chữa, kiểm tra khảo sát theo yêu cầu của các ngành).

** Quản lý bảo vệ môi trường:*

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dịch vụ Công ích quận Tân Bình, là đơn vị hoạt động công ích với nhiệm vụ chủ yếu là phục vụ xã hội, trong đó trọng tâm là công tác giữ gìn vệ sinh môi trường. Với chức năng thu gom và vận chuyển rác trên toàn địa bàn. Trong 06 tháng đầu năm 2019, Công tác vận chuyển, đạt 70.142,76 tấn bằng 92,9% so với kế hoạch 06 tháng năm 2019 (75.500 tấn). Bình quân 409,4 tấn/ngày. 100% các phương tiện cơ giới được duy tu bảo dưỡng định kỳ, thực hiện tốt các quy định về đăng ký, kiểm định, bảo hiểm và giấy phép lưu thông. Rác được vận chuyển hết rác trong ngày, không để tồn đọng trong xô, xe ép nhận rác đúng giờ, vệ sinh và xịt chất khử mùi E.M trước khi rời diêm hện.

